ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

HỌC GIẢ NGUYỄN ĐỔNG CHI VÀ CÔNG TRÌNH *ĐỊA CHÍ VĂN HÓA DÂN GIAN NGHỆ-TĨNH*[*]

Phạm Quang Ái[**]

1. Trên hành trình "*miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*"[(1)] hơn nửa thế kỷ, cố học giả Nguyễn Đổng Chi (1915-1984) đã để lại một di sản trước tác đồ sộ, phản ánh quá trình hoạt động sáng tạo phong phú, đa diện của ông. Điều đáng nói là ở lĩnh vực nào, học giả cũng để lại những thành quả sáng giá, những công trình để đời. Tuy nhiên, như sự đánh giá chung của học giới, lĩnh vực mà ông dành nhiều công sức, tâm huyết nhất và cũng để lại nhiều thành tựu nhất là văn hóa dân gian. Và cũng bởi thế mà ông cùng với hai nhà nghiên cứu nổi tiếng khác là Vũ Ngọc Phan và Cao Huy Đỉnh đã được xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về lĩnh vực này.

Trong những mốc son mà Nguyễn Đổng Chi đã cắm trên các nẻo đường nghiên cứu khoa học của mình thì công trình *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*[(2)] có một giá trị to lớn, có tính chất tổng kết bước đầu những tư liệu sưu tầm, những kết quả nghiên cứu về văn hóa dân gian xứ Nghệ do ông mở đường; đồng thời, nó cũng đặt nền móng vững chắc cho một môn địa phương học mà sau này các nhà nghiên cứu thường mệnh danh là "Nghệ học".

2. Xét về bố cục, nội dung trình bày - ngoài "Lời giới thiệu", "Lời nói đầu", *Dẫn luận*, *Kết luận* và *Thư mục* - sách *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh* có 7 phần chính với 540 trang in khổ 19x27cm (theo bản in lần thứ 2). 7 phần đó là: *1. Đất nước và con người Nghệ-Tĩnh; 2. Tri thức dân gian; 3. Truyện kể dân gian; 4. Thơ-ca-nhạc dân gian; 5. Trò chơi, múa, hội diễn và sân khấu dân gian; 6. Nghệ thuật và món ăn dân gian; 7. Phong tục tập quán dân gian.* Tuy còn thiếu phần "Hội họa dân gian" nhưng trong điều kiện sưu tầm và nghiên cứu bấy giờ, việc trình bày văn hóa dân gian xứ Nghệ với 7 phần như thế là đã tương đối đầy đủ về nội dung cứ liệu và hợp lý về cơ cấu. Riêng cố học giả Nguyễn Đổng Chi, ngoài việc viết "Lời nói đầu", *Dẫn luận*, *Kết luận* và *Thư mục*, ông còn đảm nhiệm một phần rất quan trọng của đề tài là *Tri thức dân gian*. Đây là phần đòi hỏi người viết phải có một sự tổng hợp cao về tri thức sách vở và những hiểu biết trong thực tiễn cuộc sống. Và bao trùm lên trên hết, với tư cách là người khởi sự và chủ biên cuốn sách, "*Để cho giữa những phần này mục khác không đến nỗi cách biệt nhau nhiều về phương pháp thể hiện và phong cách*", GS Nguyễn Đổng Chi đã "*chấp bút và bổ sung*",[(3)] sửa chữa hầu hết các chương mục của người khác một cách chi li, cặn kẽ và không khoan nhượng trước bất kỳ trang viết chưa hoàn thiện nào như lời PGS Vũ Ngọc Khánh đã hồi tưởng: "Anh vừa điều hành Nhóm biên soạn, vừa viết, vừa tự thân viết lại những phần chưa ưng ý, và vừa xông xáo đi gặp lại các bạn

---

* Tham luận tại Hội thảo khoa học Kỷ niệm 100 năm ngày sinh học giả-nhà văn Nguyễn Đổng Chi, do Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn Truyền thông Thanh niên và Nhà xuất bản Trẻ phối hợp tổ chức tại TP HCM vào ngày 7/5/2015. Các tham luận tại cuộc hội thảo này được đăng dần trên tạp chí *NC&PT*, từ số 2(119).2015. BBT.

** Phó Tổng biên tập tạp chí *Văn hóa Hà Tĩnh*.

đồng hương để bổ sung kho tư liệu Nghệ-Tĩnh vốn đã rất phong phú của anh";[4] "Chỉ mới đây thôi, soạn bộ *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, tôi nói với anh về bức tượng Đặng Đình An ở Nghi Xuân. Tôi khẳng định tài liệu tôi ghi chép từ 1945 đã khá đầy đủ; tôi cũng còn giữ được cả bức ảnh của Le Breton chụp cùng đoạn viết của nhà học giả người Pháp này trong sách *An-Tĩnh xưa* (Le vieux An-Tĩnh). Đổng Chi tin tôi, nhưng anh vẫn cứ đi thẩm tra. Mặc cho trời nam nắng gió Lào tỉnh Nghệ quạt vào người những trận bụi mù khó thở, người bạn học giả ngót 70 tuổi đầu của tôi vẫn chen mình trong bụi móc sim của núi rừng làng Tam Xuân Hạ để đích thân chứng kiến pho tượng. Sau đó anh mới chịu thông qua trang viết của tôi về đoạn này".[5] Nói như thế có nghĩa là với tinh thần tự nhiệm cao, có nhiều chỗ ông phải viết lại hoặc viết bổ sung thì cuốn sách mới có hình hài, diện mạo như lúc nó chào đời. Điều đáng tiếc là bản thảo cuốn sách được chủ biên góp ý và tập thể soạn giả chữa lại xong năm 1983 nhưng Nguyễn Đổng Chi vẫn chưa kịp hiệu chỉnh một lần cuối cùng cho thật dứt điểm như ông đã hứa trước Ban Văn hóa Dân gian (tiền thân của Viện Văn hóa Dân gian sau này) và đồng nghiệp vào dịp ấy. Và cũng vì lý do sâu xa đó cùng những lý do khó khăn về tài chính mà mãi hơn 10 năm sau tác phẩm mới được xuất bản để dâng lên hương hồn người cha đẻ của nó, nhân dịp kỷ niệm 80 năm sinh và 10 năm mất của ông.

3. Để có được một tập đại thành về văn hóa dân gian xứ Nghệ như trên, Nguyễn Đổng Chi đã trải qua một hành trình 50 năm (1933-1983) sưu tầm, nghiên cứu và trước thuật với một hướng đi đã được xác định từ những ngày mới chập chững khởi nghiệp. Đó là việc ông luôn gắn bó với đời sống của người nông dân thôn quê xứ Nghệ; với cuộc mưu sinh gian khổ, vật lộn trong một môi trường thiên nhiên đầy khắc nghiệt để tạo ra một trầm tích văn hóa với bề dày hàng ngàn năm. Trong chặng đầu của con đường hoạt động văn hóa của mình, Nguyễn Đổng Chi vừa sưu tầm, khảo cứu những giá trị văn hóa do người nông dân tạo ra vừa kết hợp với những tri thức đông tây, kim cổ viết bộ sách *Kho sách bạn trẻ* (gồm 5 tập), xây dựng Mộng Thương thư trai, tổ chức các hoạt động thực tiễn khác như mở Bình Ân dược phòng, làm phóng viên điều tra đời sống nông thôn xứ Nghệ để viết nên tập phóng sự xuất sắc *Túp lều nát;* sưu tầm tài liệu và nghiên cứu các tộc người thiểu số Tây Nguyên để viết chung với anh trai sách *Mọi Kontum,* công trình dân tộc học đầu tiên của người Việt... Tất cả những việc làm đó là để vươn tới cái mục tiêu "*khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*" mà các nhà cách mạng tiền bối theo đường lối duy tân như Phan Châu Trinh đã phát động. Và cũng từ lập trường tư tưởng này mà ông đã sớm bắt nhịp với phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tham gia Đoàn Thanh niên dân chủ phản đế từ năm 1938. Và cũng từ tình yêu văn hóa dân gian của người nông dân, ông chuyển sang nghiên cứu lịch sử dân tộc với đề tài các phong trào đấu tranh của nông dân thời Trung đại. Về phương diện văn hóa dân gian thì các bộ sách *Hát dặm Nghệ-Tĩnh* (xuất bản lần đầu năm 1944, tái bản có bổ sung hoàn chỉnh năm 1962 và cùng với Ninh Viết Giao sưu tầm để biên soạn tiếp 2 tập sau năm 1963), *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (xuất bản và tái bản năm 1956), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (5 tập, xuất bản 1958-1982 và tái bản nhiều lần, sinh thời tác giả lần nào cũng bổ sung, nâng cấp), *Văn học dân gian sưu tầm ở Ích Hậu* (1962-1969, 4 tập, chưa xuất bản), là những công trình tầm cỡ quốc gia và quốc tế mà tư liệu phần lớn được sưu tầm từ nông thôn xứ Nghệ, hơn thế, về nội dung của chúng cũng được khảo cứu chủ yếu từ hệ quy chiếu đạo lý dân gian của người nông dân xứ này. Đặc biệt, từ lập trường học thuật nói trên kết hợp

với những kinh nghiệm sưu tầm, khảo cứu được đúc kết, ông đã sớm đề xuất phương pháp viết xã chí; phương pháp sưu tầm, hệ thống hóa văn học dân gian nông thôn từ thập niên 60 của thế kỷ trước. Tất cả, đó là những tiền đề, nền tảng vững chắc để ông xây dựng đề cương, cùng với nhóm đồng nghiệp xứ Nghệ tiến hành sưu khảo bổ sung, thực hiện thành công đề tài *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*.

4. *Địa chí* là một thể tài trước thuật có từ xa xưa, biên chép dân phong, sản vật, địa thế các địa phương (monographie),(6) theo đó, chúng ta có các định danh như *nhất thống chí, thông chí, phương chí* (hoặc *địa phương chí*). Ngoài ra, còn có các biến thể tên gọi khác của "chí" như *ký, lục, biên,...* (*Nghệ An ký* của Bùi Dương Lịch;(7) *Cao Bằng lục* của Phan Lê Phiên;(8) *Cao Bằng thực lục* của Nguyễn Hựu Cung;(9) *Bắc Thành dư địa chí lục* do Tổng trấn Bắc Thành Lê Chất soạn, Đông Khê Nguyễn Văn Lý biên tập và đề tựa năm Thiệu Trị 5 (1845);(10) *Đông Ngạc tập biên* của Dĩ Thủy Phạm Văn Thuyết,(11) *Quỳnh Đôi cổ kim sự tích hương biên* của Hồ Phi Hội,...(12)). Tựu trung, giữa các cách gọi này cũng phản ánh sự khác biệt ít nhiều về cách tiếp cận tư liệu, cách xử lý nội dung và cách viết: *chí* là loại công trình thường hướng tới cung cấp những thông tin chính danh, tinh túy và tổng hợp về quốc gia, khu vực, địa phương; còn *ký, lục, biên* là những bộ ghi chép, sưu tập thường có tính chất cục bộ, bộ phận và có thể còn xô bồ, thô sơ, chưa được chọn lọc kỹ. Theo từ điển *Từ hải* của Trung Quốc thì "*Sách ghi chép rõ các mặt địa hình, khí hậu, cư dân, chính trị, sản vật, giao thông của một quốc gia, một khu vực thì gọi là địa chí*".(13) Như vậy, có thể khái lược một quan niệm về *địa chí* như sau: Đây là loại sách ghi chép một cách tổng hợp tình trạng địa lý, lịch sử, phong tục, dân tộc, tôn giáo, giáo dục, nhân vật, thổ sản,... của một địa phương.

Ở xứ Nghệ, sách địa chí bắt đầu xuất hiện từ thời nhà Nguyễn. Sau mấy trăm năm tranh bá đồ vương của các thế lực phong kiến, đất nước bị chia cắt thành các vùng miền cô lập, các thông tin *địa chí* không được chú ý ghi chép và lưu truyền. Sau khi thống nhất giang sơn, vua Gia Long (1802-1820) đã chủ trương cho các sử thần viết *địa chí* toàn quốc, còn các trấn thần noi theo viết *địa phương chí*, nhằm tổng khảo các điều kiện tự nhiên và xã hội của cả nước để phục vụ cho chính sách cai trị của triều đình. Khi Ngô Nhân Tĩnh (1761-1813) được cử ra làm Hiệp trấn Nghệ An (1811), ông đã có sáng kiến cùng Bùi Dương Lịch, Đốc học Nghệ An, biên soạn sách *Nghệ An phong thổ ký*, được xem là cuốn địa chí đầu tiên viết về đất Hoan Châu, góp phần tạo nên sự nở rộ phong trào viết địa chí về sau tại trấn này. Tuy nhiên, như GS Nguyễn Đổng Chi đã nhận xét, "*Nói chung, những công trình trên* (sách địa phương chí xứ Nghệ - PQA) *đều có mặt ưu là đóng góp tài liệu, cố gắng giới thiệu bản sắc của Nghệ-Tĩnh, nhưng bên cạnh đó cũng có những mặt hạn chế nhất định. Nói đến đất nước, các địa chí trước đây chỉ kể ra cái đẹp của núi sông bằng cách trân trọng trích dẫn thơ văn của các tầng lớp nho sĩ phong kiến, mà không quan tâm đến cảm xúc thẩm mỹ của quần chúng về thiên nhiên qua việc đặt tên và ca ngợi trong phương ngôn, tục ngữ, ca, vè, truyện kể chẳng hạn, còn đáng trân trọng biết bao. Nói đến con người, các địa chí thường chú ý đến những nhân vật trong trường khoa hoạn, những văn nhân võ sĩ qua các triều đại mà bỏ sót biết bao tài năng xuất chúng, những nhà kinh tế, nhà lương y, nghệ nhân dân gian, những thợ thủ công tài hoa, phần nhiều xuất phát từ tầng lớp dưới trong xã hội... không mấy khi đề cập đến, hoặc có nói đến cũng rất sơ lược những nét sinh hoạt kinh tế cũng như văn hóa địa phương, những biểu hiện suy tư, tình*

cảm, tâm lý của từng nhóm người,... Rất hiếm những quyển biết sử dụng tài liệu văn hóa dân gian như là đối tượng để... chứng minh sinh hoạt tinh thần cũng như vật chất của quần chúng xứ Nghệ".(14)

Từ sự kiểm kê di sản của tiền nhân, Nguyễn Đổng Chi đã xác định rằng: "*... mặc dù đã có nhiều công trình địa chí từ trước đến nay, Nghệ-Tĩnh vẫn còn chờ đợi một hướng tìm tòi mới, một phương diện trình bày khác, để làm cho rõ nét hơn bộ mặt chân thật của nó. Đó là văn hóa dân gian, là những gì thuộc về truyền thống lâu đời của người Nghệ-Tĩnh*".(15) Và ông đã xây dựng cho mình một đề cương thật sự khoa học, trưng cầu ý kiến rộng rãi của các đồng nghiệp, được Hội đồng Khoa học Ban Văn hóa Dân gian thông qua, được sự thống nhất của UBND tỉnh Nghệ Tĩnh, sưu tầm và biên soạn thành công *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh* với một kết cấu như chúng tôi đã nêu ở trên, cùng với đề cương viết xã chí và *Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn* mà ông đã công bố trước đây, tạo ra một mô hình hợp lý, khoa học, làm mẫu mực cho các nhà nghiên cứu biên soạn địa chí nói chung và địa chí văn hóa dân gian nói riêng ở các địa phương khác.

5. Như vậy, sự ưu việt của mô hình biên soạn địa chí văn hóa dân gian của Nguyễn Đổng Chi, trước hết, là ở chỗ ông đã kế thừa mặt đúng đắn, bổ sung những khiếm khuyết trong mô hình địa chí của người đi trước, đồng thời, tìm tòi đột phá về phương pháp và lý luận để có một biểu mẫu thực sự khoa học, đáp ứng yêu cầu mới là phản ánh một cách tổng thể văn hóa dân gian địa phương. Hãy nghe Vũ Ngọc Khánh tâm sự: "Thể loại địa chí không xa lạ gì trong kho tàng thư tịch của ta, nhưng địa chí folklore thì quả là một điều mới mẻ. Viết về đất nước, con người chẳng hạn, nhiều sách đã ra đời và cũng rất hấp dẫn, nhưng đây lại là viết dưới góc độ khoa học folklore và với những tư liệu folklore. Công tác với anh trong việc này, tôi đã chứng kiến nhiều đêm ngày nghiền ngẫm của anh để đi tìm một nhận thức đúng đắn, một phương pháp thể hiện thích hợp".(16) Trong "Lời nói đầu" sách, sau khi giới thuyết về các khái niệm *folklore, văn hóa dân gian*, người chủ biên đã xác định khái niệm *địa chí văn hóa dân gian* với các tiêu chí nhận diện đối tượng nghiên cứu như sau: "*Hai tiếng "địa chí" quen thuộc, thường dùng để chỉ một loại công trình ghi chép miêu tả, nói khác đi là thông tin nhiều mặt của một địa phương hoặc rộng (như tỉnh chí) hoặc hẹp (như xã chí). Nó đã không phải là lịch sử mà cũng không hẳn là địa lý, tuy rằng nó có bao hàm ít nhiều nhiệm vụ địa lý lịch sử. Nhưng cái tên "địa chí văn hóa dân gian" thì rõ ràng là một loại sách thông tin mà đối tượng cụ thể là folklore khoanh vùng trong một không gian nào đấy. Đối tượng dĩ nhiên là văn hóa nhưng không phải là văn hóa chính thống, văn hóa cung đình mà là văn hóa dân gian. Chủ yếu nó là <u>văn nghệ, là truyền thống, là quan niệm thẩm mỹ,... của quần chúng xuyên qua văn hóa dân gian của một địa phương</u>*".(17) Ở một chỗ khác, ông tiếp tục giới thuyết cụ thể hơn nữa về nội dung trình bày của công trình: "*Với quan điểm và mục đích nói trên, quyển sách có thể coi là một công trình đặc biệt. Nó thể hiện một tham vọng. Vì nó muốn tìm hiểu một không gian trong một thời gian đã trôi qua, vì mang một thể tài ít thấy, vì cách viết từ đầu đến cuối chuyên dùng các yếu tố văn hóa dân gian như tục ngữ, ca dao, truyện kể, vè, phong tục tập quán, thêm cả nhạc, múa, họa, chạm và tranh ảnh, v.v... để <u>vừa trình bày vừa chứng minh</u>*".(18)

Về vấn đề tiếp cận, sưu tầm và xử lý tư liệu, Nguyễn Đổng Chi cũng đã đưa ra một cách nhìn gạn đục khơi trong rất khoa học, đúng đắn: "*Cách mạng Tháng*

Tám thành công là một bước ngoặt to lớn của lịch sử nước ta. Nó mở ra một thời kỳ mới huy hoàng, thời kỳ mà con người được giải phóng... đứng lên làm chủ, vươn tới những đỉnh cao chưa từng thấy trong nhiều lĩnh vực. Nó đồng thời cũng quăng bỏ lại đằng sau mọi thứ rác rưởi, nhơ bẩn của hủ lậu, mê tín, ngu dốt, lạc hậu từng bao vây lấy con người trước đây. Nhưng nó không quên trân trọng giữ gìn những truyền thống tốt đẹp lành mạnh của cha ông. Những cái này thường được kết tinh trong văn hóa dân gian".[19] Và quan điểm tiếp cận, xử lý tư liệu trong cuốn sách là "*Dĩ nhiên, công trình chủ yếu hướng vào những truyền thống tốt đẹp của quá khứ mà không đi sâu vào các mặt yếu, những cái đã trở nên lạc hậu, nhưng vì đề cập đến phong tục tập quán của cả một vùng cư dân, nó không thể không lướt qua một số hiện tượng tuy ngày nay nhìn lại không khỏi buồn cười, nhưng đối với giới sử học, dân tộc học, folklore học cũng có thể ít nhiều có ích*".[20]

Vì đây là quan điểm được phát biểu trong "Lời nói đầu" của sách *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh,* một bộ sách được biên soạn dưới sự chỉ đạo có tính chất quan phương, nên người viết đã dùng một cách nói dè dặt, uyển chuyển. Ông ngợi ca cách mạng đồng thời cũng lưu ý đừng phá đi tất cả những gì còn có ích cho hành trang của người cách mạng vốn rất cần hiểu biết cả quá khứ của mình. Còn trong bài phát biểu *Mấy suy nghĩ về phương hướng trước mắt của chúng ta về công tác sưu tập văn học dân gian* tại Hội nghị Sưu tập văn học dân gian toàn miền Bắc tháng 12/1964, ông đã mạnh dạn nhận định và đề xuất quan điểm nói trên một cách triệt để và thẳng băng hơn - dụng ý cảnh báo tư tưởng prolecult đối với những đầu óc nông nổi, cứ nghĩ đã là cách mạng thì phải đập phá đi tất cả - bộc lộ không cần giấu giếm: "*... cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng... có tính chất triệt để nhất, cho nên những tàn tích của chế độ cũ - chỉ nói những nhân tố tuyệt nhiên không thể kế thừa được trong bước phát triển hoàn toàn mới của lịch sử - sẽ không thể nào tồn tại trước sức tấn công của cách mạng. Nhưng những tàn tích ấy lại trở thành tài liệu rất quý cho các nhà khoa học trong việc nghiên cứu các hình thái đã qua của một xã hội. Chính vì vậy mà cần phải ghi lại, vẽ lại, chụp lại, chép lại càng nhiều càng tốt mọi biểu hiện sinh hoạt vật chất, tinh thần từ trước tới nay trong xã hội để làm tư liệu cho hiện tại và tương lai*".[21]

Hơn thế, trong tài liệu tập huấn *Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn*, Nguyễn Đổng Chi đã cùng với các đồng tác giả triển khai quan điểm trên bằng những nhiệm vụ, phương pháp và thao tác cụ thể. Ở Chương III tập sách, khi trả lời câu hỏi "*Chúng ta điều tra và sưu tầm những gì về văn học dân gian cổ truyền trong một làng hay một bản?*", các ông đã xác định "*Tất cả những sáng tác dân gian trong một làng hay một bản và tất cả những gì liên quan đến nó đều cần được sưu tầm, làm sao tiến tới có một bộ tư liệu đầy đủ về văn học dân gian của làng đó hay bản đó*".[22] Rõ ràng, di sản của cha ông để lại **tất cả đều có ích và không nên bỏ sót một thứ gì**; điều quan trọng là phải điều tra tư liệu một cách chính xác với một đòi hỏi khách quan, trung thực, không quá đề cao mà cũng không bài bác. Có như thế mới có tiền đề vững chắc cho những kết luận khoa học trên con đường tìm kiếm chân lý, quy luật cuộc sống.

Có thể khẳng định không chút dè dặt, quan điểm nói trên của GS Nguyễn Đổng Chi rất khoa học, cách mạng và hiện đại. Thế giới là phẳng, là "*một dải liên tục không thể phân cắt*" (Triệu Nguyên Nhiệm), không có gì là không liên quan với nhau, mọi tồn tại đều có lý do của nó. Trong các tài liệu đã dẫn, để có thể lách qua

những tư tưởng cứng nhắc, máy móc, những quan niệm lạc hậu, duy ý chí thống trị đương thời, Nguyễn Đổng Chi đã khéo léo phân định rõ mục đích và kèm theo là lợi ích khai thác tư liệu dưới góc độ của yêu cầu khoa học và yêu cầu chính trị. Đối với khoa học, tất cả đều có ích lâu dài; đối với chính trị, thì phải chọn lọc để đáp ứng với những yêu cầu có tính chất nhất thời, giai đoạn.

Đặt quan điểm của cố học giả trong bối cảnh lúc bấy giờ và so sánh với những tiến bộ về hoạt động khoa học hiện nay, ta mới thấy rõ được ý nghĩa cách mạng cũng như sự cao kiến viễn quan của nó. Lúc bấy giờ, để phục vụ cho những mục đích chính trị, dù là rất tốt đẹp, chúng ta đã dựng nên nhiều huyền thoại trong nghiên cứu khoa học; đồng thời bỏ qua nhiều tư liệu biết nói về sự thật khách quan của lịch sử văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, ngày nay, dù quan điểm chính trị về nghiên cứu khoa học đã khá cởi mở, dân chủ và việc nghiên cứu, trước thuật đã ít nhiều được tự do, thông thoáng nhưng vẫn còn không ít huyền thoại khoa học chưa được giải thiêng, nhiều sự thật lịch sử còn bị khuất lấp và nhiều tư liệu, nhân vật lịch sử-văn hóa chưa được các nhà khoa học tiếp cận nghiên cứu. Do đó, không chỉ cách đây gần nửa thế kỷ mà trong hiện tại, tư tưởng, quan điểm về việc tiếp cận đối tượng, cách xử lý tư liệu cũng như định hướng nghiên cứu của GS Nguyễn Đổng Chi đối với folklore học nói riêng cũng như khoa học xã hội nói chung, mà chúng tôi đã trình bày ở trên, vẫn còn nóng hổi tính thời sự.

6. Như trên đã đề cập, ngoài "Lời nói đầu" thể hiện quan điểm thực hiện đề tài, biên soạn công trình, GS Nguyễn Đổng Chi trực tiếp viết hai phần quan trọng: *Dẫn luận* và *Tri thức dân gian*. Dẫn luận tuy không phải là phần chính của cuốn sách nhưng lại có một vị trí quan trọng hàng đầu trong công trình này. Ở đây, dẫn luận thực chất là một sự tổng quan về đối tượng nghiên cứu với 3 chủ điểm. Trước hết là một cái nhìn bao quát về đất nước và con người xứ Nghệ, với những điểm nhấn liên quan đến việc soi sáng cho đối tượng nghiên cứu; tiếp theo là sơ bộ nhận diện về văn hóa và văn hóa dân gian; cuối cùng là lược sử về quá trình nghiên cứu văn hóa và văn hóa dân gian xứ Nghệ. Trong quá trình tạo lập văn bản, tác giả luôn tìm cách đan cài các quan điểm chỉ đạo thực hiện công trình cũng như phương pháp, cách thức tiến hành nghiên cứu và biên soạn của mình.

Chiếm một phân lượng lớn nhất trong *Dẫn luận* là phần viết về đất nước và con người Nghệ-Tĩnh với 6 đặc điểm mà tác giả gọi là "*Một vài sắc thái riêng của thiên nhiên và xã hội Nghệ-Tĩnh*".[23] Bằng một kiến thức tổng hợp, một sự hiểu biết thấu đáo của một người vừa có khả năng thâu tóm nhiều nguồn tài liệu sách vở (thể hiện phần nào ở thư mục cuối sách) vừa có nhiều trải nghiệm sâu sắc trong điều tra, điền dã, tác giả đã tạo tác những trang viết có độ khái quát, cô đúc cao độ nhưng không kém phần sinh động với những hình ảnh, giọng điệu câu văn phập phồng hơi thở cuộc sống. Ví dụ đây là đoạn viết về núi rừng xứ Nghệ "*... núi rừng trùng điệp, mênh mông, chiếm ngót hai phần ba diện tích. Núi đủ loại (...); rừng có nhiều khu vực ít nghe thấy tiếng rìu... Núi trải dài và dày đặc phía tây, bốn mùa mây phủ,... núi còn sừng sững đâm thẳng ra biển...*";[24] "*Và núi, đồi, gò còn điểm xuyết trên đồng bằng, trên bờ biển... khá dày, khá liên tục, tuy không cao lắm, tạo cho mặt đất một vẻ gồ ghề, lởm chởm, ít thấy ở các tỉnh đồng bằng khác, nhưng lại ngoạn mục, kỳ thú, khêu gợi những tâm hồn sính thơ ca*".[25]

Điều quan trọng hơn là qua việc trình bày các đặc điểm về thiên nhiên và xã hội đó, tác giả hướng tới việc chỉ ra những đặc điểm về tâm lý, tính cách, quan

niệm sống của con người xứ này: "*Núi sông như thế vừa tạo thành nét đẹp nên thơ, vừa tạo nên cái vẻ gân guốc, rắn rỏi cho Nghệ-Tĩnh*".(26) Khác với những nhận xét đây đó về đất nước và con người xứ Nghệ xuất hiện trước và sau công trình *Địa chí*..., những kiến giải của Nguyễn Đổng Chi khách quan, chừng mực và có độ khái quát cao nên về sau được nhiều người đồng tình, không thấy ai bàn cãi, và trong khá nhiều công trình của người viết sau, chúng được tiếp thu đầy đủ.

7. Phần việc công phu nhất của GS Nguyễn Đổng Chi là phần viết về *Tri thức dân gian*. Xét về tiềm năng, trong nhóm tác giả, không ai hơn ông để có thể viết tốt nhất phần này. Và quả nhiên, đọc kỹ cuốn sách, đây là phần viết hay nhất, để lại cho người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc, nhiều thu hoạch bổ ích cả về nội dung lẫn hình thức. Ở những phần khác, tuy đã có sự chỉ đạo sát sao và sự hợp biên chu đáo của chủ biên, nhưng vẫn có những độ vênh nhất định về cách trình bày, văn phong và cả về mật độ tri thức tư liệu, khiến người đọc ít nhiều bị hụt hẫng. Riêng phần viết của chủ biên, nội dung và hình thức hài hòa, bố cục cân đối, kết cấu chặt chẽ; đặc biệt, hàm lượng tri thức ngồn ngộn được nén vào một văn bản tương đối ngắn gọn nhưng vẫn có một chất văn đậm đà phong cách dân gian.

Quán triệt cách viết "*vừa trình bày vừa chứng minh*", bằng một bút pháp có tính chất gần như là bút pháp của thể *bút ký du khảo*, và trong một dung lượng gần 20.000 chữ/82 trang in khổ lớn, tác giả say sưa dẫn chúng ta đi vào khám phá 6 loại tri thức dân gian (1. Thiên văn, thủy văn dân gian; 2. Địa lý dân gian; 3. Kỹ thuật dân gian; 4. Y dược dân gian; 5. Sử dân gian; 6. Triết lý dân gian) được trình bày thành 6 chương, trong mỗi chương có các mục. Trong đó, khối lượng tri thức dân gian các loại được trình bày theo thời gian và không gian các vùng đất Nghệ-Tĩnh.

Mở đầu, tác giả nêu ngay hai nhận định có tính chất tiên đề: "*Tri thức dân gian được ứng dụng hàng giờ, hàng phút khắp nơi trong cuộc sống của quảng đại quần chúng. Nó được các đời bổ sung, đúc kết bằng ngữ văn để thế hệ này trao sang thế hệ khác, vùng này chuyển qua vùng kia*".(27) Đây là hai đặc trưng quan trọng của tri thức dân gian đã được mặc nhận: một về công năng và nhu cầu sử dụng, một về phương thức tồn tại và phát triển. Trên cơ sở hai đặc trưng này, tác giả đã đi sâu vào khảo sát, thuyết minh *tri thức dân gian* xứ Nghệ với tinh thần chú ý biện biệt với tri thức dân gian các vùng miền khác cả về nội dung thực tiễn lẫn hình thức ngữ văn. Ngoài cái chung, cái đại đồng phổ biến, tác giả chú trọng đi sâu vào cái khác biệt, cái độc đáo của địa phương và nêu ra nhiều nhận xét lý thú. Ví dụ, khi nhận xét về tục ngữ xứ Nghệ, ông viết: "*Ngoài những câu bình thường, một số câu khác cho thấy cách ăn nói của người xứ Nghệ thường tỏ ra bốp chát, không tránh né những suy tư táo tợn, những hình tượng thô lỗ, tục tĩu*"(28) và dẫn chứng bằng những câu rất tiêu biểu.

Điều đáng nói nhất trong đoạn mở đầu là tác giả đã khu biệt một cách cụ thể, chi tiết và dễ hiểu cho người đọc về sự khác nhau giữa *thành ngữ, tục ngữ* với *phương ngôn*: "*Về hình thức và chức năng, phương ngôn cũng gần với tục ngữ, nó cũng đúc kết kinh nghiệm bằng thứ ngôn ngữ hàm súc tóm tắt, lại cũng có vần để cho dễ nhớ, nhưng nó thường thiên về vai trò thông báo, giới thiệu một sự việc gắn liền với địa điểm nào đó cụ thể, chứ ít khi phiếm chỉ như tục ngữ. Nếu không đi kèm với chú giải thì những người vùng khác (có khi làng khác) khó có ai hiểu*".(29)

Đây chắc chắn không phải là cách định nghĩa duy nhất về *phương ngôn*, nhưng có lẽ là một trong những định nghĩa dễ hiểu nhất, giúp cho bạn đọc phổ thông cũng có thể dễ dàng nhận diện đối tượng. Sau phần định nghĩa, tác giả phân tích, phân loại và nêu các đặc điểm về nội dung và hình thức của phương ngôn Nghệ với những ý kiến rất xác đáng.

Trong các chương trình bày về các loại tri thức dân gian, chúng ta bắt gặp nhiều nhận xét chí lý, thú vị. Chẳng hạn, khi thuyết minh về tri thức *Thiên văn và thủy văn dân gian,* tác giả viết: "*Là vùng thường xảy ra thiên tai gần như liên tục, nên người Nghệ-Tĩnh có nhiều kinh nghiệm dự đoán thời tiết, có thể nói, họ rất thính đối với các hiện tượng mưa, nắng, bão lụt. Phương ngôn, tục ngữ của nông dân, ngư dân ở đây về mặt này phong phú hơn các tỉnh khác*".(30) Đó là một nhận xét có tính chất loại suy, người không khảo chứng tư liệu nhiều cũng có thể nêu ra. Nhưng Nguyễn Đổng Chi không hề tư biện, không hề nhận định chay. Sau nhận xét này, ông nêu ra một cách cụ thể, chi tiết những câu tục ngữ, phương ngôn tiêu biểu nói về thời tiết ở từng địa phương với những phân tích ngắn gọn, đích xác.

Thú vị nhất là khi tác giả dùng những kiến thức thực tiễn của mình để lý giải những câu tục ngữ, phương ngôn độc đáo với những khám phá bất ngờ. Ví như khi tác giả giải thích câu tục ngữ "*Gần nhà giàu đau răng ăn cốm, gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn*".(31) Đây là câu tục ngữ phổ biến, cổ xưa và đã đi vào thơ Nôm Nguyễn Trãi. Vế thứ hai của câu tục ngữ này thì ai cũng có thể hiểu, nhưng vế thứ nhất thì không hẳn. Với sự hiểu biết thấu đáo thực tế cuộc sống nông dân xứ Nghệ vào những thời điểm đói kém ngày ba tháng tám, tác giả đã phân tích, dẫn giải hiện tượng nông dân tình nguyện đến nhà giàu giã thóc lép rang cật lực những ngày sau mùa thành cám cho lợn ăn để mình được ăn "thứ gạo kém phẩm chất không thổi cơm được nhưng vì đã rang nên ăn giòn cũng gọi là cốm" còn lại trong cối đến no bụng; người đọc bất ngờ nhận được một lượng thông tin mới mẻ và lý thú từ kho kinh nghiệm sống của tác giả mà chắc chưa có sách vở nào ghi chép lại.(32)

Có khi để thay đổi khẩu vị cho người đọc, tác giả lại dùng giai thoại, truyện kể dân gian để thuyết giải về tri thức dân gian trong các câu tục ngữ, phương ngôn. Đó là lúc tác giả trình bày về kinh nghiệm nuôi cá của nhân dân xứ Nghệ qua câu "*Một con cá tràu dô (cá quả), nó nuốt hết hai mẹ con bò nhà ta*". Câu tục ngữ này vốn gắn liền với một câu chuyện nuôi cá thất bại của một anh chàng "*làm thầy thì dở làm thợ thì dốt*", bán hai mẹ con con bò để nuôi cá nhưng lại không bắt hết cá tràu, một giống cá dữ, phàm ăn, nên nó ăn hết cá giống. Kết quả, mất toi hai mẹ con con bò.(33) Đến chương viết về *Sử dân gian,* do sẵn tư liệu, tác giả đã kết hợp việc phân giải các câu tục ngữ, phương ngôn, vè bằng nhiều mẩu chuyện dân gian rất hấp dẫn.

Như đã nhận xét, lối viết của tác giả có dáng dấp của lối bút ký du khảo. Trong mỗi chương, sau phần nhận xét chung về mỗi loại tri thức dân gian gắn liền với mỗi phương diện sống và tương ứng là những phương thức tương tác, ứng xử của con người đối với môi trường, tác giả đi vào thuyết minh để làm rõ những nhận xét của mình và tổng hợp thành một bức tranh sống động về diện mạo tinh thần con người xứ Nghệ trong diễn trình lịch sử. Cái tài của tác giả là rất kiệm lời trong thuyết giảng, hầu như chỉ nêu nhận xét một cách ngắn gọn, còn chủ yếu là dùng tục ngữ, phương ngôn đan cài vào mỗi câu văn, đoạn văn để chúng tự lên tiếng nói thay mình. Nói cách khác, tác giả đã dùng ngay lời ăn tiếng nói đã được định dạng của dân gian để thuyết minh cho mỗi chủ đề, chủ điểm.

Và cũng chính cách trình bày đó, khiến cho người đọc phần *Tri thức dân gian* có cảm giác tựa hồ như đang đọc tùy bút của Nguyễn Tuân, văn bản ngồn ngộn tri thức, tư liệu. Sự khác nhau là văn bút ký Nguyễn Tuân chứa đựng tri thức, hình ảnh trong những câu văn trùng điệp, lớp lang với những ngôn từ mới lạ, với vẻ độc đáo, cao siêu của riêng tác giả còn câu văn của nhà folklore học Nguyễn Đổng Chi ngắn gọn, dùng toàn ngôn từ bình dị của dân gian, tuy không thiếu những chỗ diễn đạt bóng bẩy, dí dỏm.

Lật bất cứ trang nào trong 82 trang viết của nhà nghiên cứu, chúng ta cũng có thể bắt gặp những đoạn văn viết theo lối như vậy. Đây là đoạn nói về kinh nghiệm nhận biết thời tiết lúc đi biển của ngư dân Nghệ An: "Những ngư dân làm ăn ngoài khơi thuộc hải phận Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc cũng dặn nhau: *Bao giờ ráng Mấu mống Mê, thuyền câu thuyền lưới chèo về cho mau.* Hay là: *Bạn chèo thợ lái bảo nhau, mống tây chớp rạch quay mau mà về.* Gặp dòng nước nóng là việc mà người dân chài ngại nhất vì chắc chắn là có mưa bão sóng gió đột xuất: *Những người đi biển làm nghề, thấy dòng nước nóng thì về đừng đi, sóng lừng bụng biển ầm ì, bão mưa ta tránh chớ hề ra khơi*".(34) Và đây là một trong những đoạn nói về tri thức chọn tướng "con trâu là đầu cơ nghiệp" của nhà nông: "Xác nhận trâu tốt phải là: *Miệng gàu dai, tai lá mít, đít lồng bàn; Mồm lá đài, tai lá mít, đít tam sơn; Sừng cánh ná, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi; Trâu đực da giấy, trâu cấy (cái) da hổ,* v.v... trái lại là những con: *Trán bánh chưng, sừng vỏ độ (đậu); Trán bánh chưng, lưng tôm càng;* hay là: *Tam tinh, xoáy óc, trập tóc, vênh sừng*. Tóm lại nếu có những con ăn khỏe, làm việc tốt thì cũng có những con: *Ăn thì hay, cày nằm vạ*, hay húc (báng nhau) và phản chủ".(35) Lại thêm đoạn này: "Ở nông thôn nuôi gà, chó chủ yếu là cho chúng tự túc cái ăn, nên có câu: *Cơm mô (đâu) no chó, ló (lúa) mô no ga (gà).* Vì nắm được nhược điểm của gà là chúng không chịu nổi rét, nên nông dân thường tránh làm chuồng hướng đông: *Chuồng gà hướng đông, cái lông chẳng còn.* Cũng vì vậy, họ dặn nhau: *Bán gà kiêng trời gió, bán chó kiêng trời mưa*. Đặc biệt, trong việc bán gia súc, gia cầm cũng có sự phân công trong gia đình:... Có câu: *Đàn ông bán nhà, đàn bà bán lợn;* và: *Bán lợn tại nhà, bán gà tại chợ*".(36) Đọc những đoạn văn này, chúng ta thấy hiện lên trước mắt không phải là hình ảnh một nhà nghiên cứu đang gò lưng bên bàn viết mà là hình ảnh một lão ngư, lão nông đang ngồi bên bếp lửa kể về kinh nghiệm làm ăn cho con cháu một cách thân mật, bình dị.

Cũng trong những đoạn văn trên, ta thấy tác giả không hề vận dụng một thứ tri thức khoa học, công nghệ hiện đại nào để giải thích các kinh nghiệm dân gian, càng không dùng những thuật ngữ mới lạ làm người nghe "choáng ngợp" (dù ông có thừa khả năng đó). Hầu như trong lời thuyết trình của mình, Nguyễn Đổng Chi chỉ dùng lẽ thường, nói theo lẽ thường của người dân lao động. Hơn thế, nhiều chỗ, tác giả dường như nhập thân vào công cuộc mưu sinh của người dân cần lao chân lấm tay bùn để nói về quá trình đúc rút kinh nghiệm của họ: "Cây lúa vụ mười ưa đất nỏ... vào khoảng tháng năm âm lịch gặt xong, người ta thường tháo đồng ngay cho kiệt nước, để cho đất khô. Sau đó là cày. Lượt cày này gọi là cày rang (hay gọi là cày lật) vì chú ý luôn luôn cho đất lật về một phía, còn gọi là cày bửa. Đất thường quánh khó cày, nhiều khi chỉ một buổi cày mà mòn mất đứt một lưỡi cày mới. Cày xong để vậy cho đất nỏ, mọi loại cỏ chết khô, các loại côn trùng cũng khó tồn tại. Phơi đất thật nỏ, người ta mới cày lại, để khô mà cày gọi là *cày chôm* (hoặc *cày trôm*) hoặc cho nước vào để cày, gọi là cày xáo, rồi bừa cấy. Làm được như vậy, lúa

sẽ tốt gấp bội: *Một đường cày rang, cả làng gánh lúa*".(37) Để người đọc hiểu kinh nghiệm làm ruộng trong câu tục ngữ đó, tác giả đã phải mô tả quy trình, thao tác làm đất kỹ càng, mạch lạc như đoạn vừa dẫn. Đúng là cách mô tả của một "lão nông tri điền"! Song có lẽ chính đây mới là thứ lý luận có sức sống nặng ký, đúc nên từ kinh lịch nông tang vô giá của một học giả thứ thiệt mà hễ đã là người nghiên cứu địa chí văn hóa dân gian đích thực thì đều thấy cần học hỏi hơn bất kỳ thứ lý thuyết cao xa nào hết, và một khi đã nhớ thì khắc tận đáy lòng.

Trong phần biên soạn về *Tri thức dân gian*, không thể không đề cập đến một ưu điểm đáng kể nữa là nhà biên khảo rất chú trọng về tư liệu học. Ông đã chú thích rất kỹ lưỡng, rất chi tiết cho các tri thức mà mình thuyết trình. Có thể thấy, trong các phần chính của cuốn sách, phần viết của Nguyễn Đổng Chi có nhiều chú thích, khảo dị nhất. Bởi ông luôn luôn tâm niệm "*... việc sưu tầm, nghiên cứu, chú thích, giới thiệu di sản phương ngôn, tục ngữ, thành ngữ cũng như ca, vè... đòi hỏi chúng ta phải tích cực gia công hơn nữa*".(38) Đó cũng là lời kết cuối cùng của phần viết công phu của cố học giả.

Sự "đòi hỏi" đó của GS Nguyễn Đổng Chi không chỉ là lời kêu gọi đối với mọi người mà còn là sự tự đòi hỏi bức thiết của chính bản thân ông được thể hiện qua việc làm với một kỷ luật nghề nghiệp nghiêm khắc. Ngoài những hồi ức của PGS Vũ Ngọc Khánh, PGS Ninh Viết Giao nói về đức tính kỹ lưỡng, thận trọng trong khảo cứu cùng là sự "tham công tiếc việc" trong sưu tầm tư liệu của Nguyễn Đổng Chi, cũng trong dịp sưu tầm tư liệu để biên soạn công trình *Địa chí...*, một bạn trẻ mới ra trường về công tác ở Ban Văn hóa Dân gian là Tăng Kim Ngân (nay đã là PGS, TS folklore học) đã kể lại những điều tai nghe, mắt thấy cùng là cảm nghĩ của cô khi được cùng với ông "... đi điền dã khảo sát văn hóa dân gian năm huyện miền núi và trung du Nghệ-Tĩnh". Trong bài viết "Vài kỷ niệm nhỏ về Giáo sư Nguyễn Đổng Chi", Tăng Kim Ngân nhớ lại rằng: "*Giáo sư Nguyễn Đổng Chi trong những ngày ấy thật phấn chấn. Đến mỗi nơi, ông chăm chú quan sát, ghi chép, và nhiều khi đăm chiêu như hồi cố điều gì. Ngày ấy, tôi cảm thấy hơi ngạc nhiên về thái độ chăm chú, đôi khi dường như rất xúc động của ông khi đến một số danh lam, thắng tích. Mãi sau này,... tôi mới hiểu một cách sâu sắc rằng, xứ Nghệ đã thực sự gắn bó với Nguyễn Đổng Chi, đã trở thành máu thịt của ông như thế nào trong suốt thời kỳ chống Pháp và trong suốt cả cuộc đời ông*".(39) Trong những ngày tháng đáng nhớ ấy, nhà nghiên cứu trẻ đã nói về sự hiểu biết sâu rộng, chính xác, chi li của vị giáo sư già một cách đầy thán phục: "*Đến bất cứ địa danh nổi tiếng nào trên đất xứ Nghệ, tôi cũng được Giáo sư Nguyễn Đổng Chi kể cho nghe những câu chuyện dân gian, những câu ca gắn liền với các địa danh này... Chuyện ở đây là chuyện dân gian nhưng qua lời kể của Nguyễn Đổng Chi, người nghe cảm thấy rằng chúng là những tài liệu sử học rất có giá trị. Ông là nhà folklore học nhưng ở ông thấm đượm phong cách sử học đến độ nhuần nhuyễn. Cái uyên bác của ông là ở góc độ sử học, kể cả văn học sử*".(40) Người bạn trẻ cũng nhận thấy rằng, sở dĩ Nguyễn Đổng Chi có thể đạt được hiệu suất và chất lượng sưu tầm tư liệu như thế là vì ông có một "*phong cách sinh hoạt giản dị, gần gũi những người dân quê*" trong khi đi sưu tầm điền dã: "*Đến với những người nông dân mộc mạc, Nguyễn Đổng Chi không câu nệ, có khi ngồi xổm cùng họ trên bờ ruộng, tay cầm bát nước chè xanh vừa uống vừa gợi chuyện văn hóa dân gian... Chính phong cách đó đã giúp ông thu nhặt được nhiều tài liệu quý đang nằm tản mát trong các làng quê, thôn xóm. Và khi đã có những tài liệu cụ thể rồi, Nguyễn Đổng Chi bao giờ cũng*

muốn tự mình kiểm tra lại sự thực hư, trúng trật của chúng".(41) Và trong quá trình đi sưu tầm, không những ông thị phạm cho học trò bằng những việc làm, thao tác cụ thể hoặc tranh thủ trang bị tri thức thực địa cho họ mà còn "tâm truyền" cho họ những đạo lý nghề nghiệp quan trọng mà ông đã đúc rút và tự nghiệm suốt cả cuộc đời: "*Ông luôn nhắc tôi cần để tâm rèn luyện hai đức tính mà theo ông là rất quan trọng của người nghiên cứu khoa học,... là: cần phải tham, rất tham, và cần phải liêm, rất liêm. Tham... là người nghiên cứu phải ghi chép tất cả, không bỏ sót một chi tiết nào, hiện tượng văn hóa nào quan sát được trên thực địa... Còn liêm theo ông là phải sòng phẳng rõ ràng... khi sử dụng tài liệu của ai phải chua rõ xuất xứ, không được mập mờ. Và một điều rất quan trọng nữa là phải có một vốn hiểu biết rất rộng, mới có thể chuyên sâu*".(42) Những điều Tăng Kim Ngân kể trên góp phần làm cho chúng ta hiểu sâu thêm công lao khó nhọc, mồ hôi, nước mắt và có khi cả máu đã thấm đẫm trên mỗi trang viết của học giả Nguyễn Đổng Chi!

Bằng một tri thức uyên bác, một sự trải nghiệm sâu rộng đời sống của người dân lao động, GS Nguyễn Đổng Chi đã phác thảo một bức tranh sinh động về thực tiễn xã hội của người dân xứ Nghệ trong trường kỳ lịch sử đấu tranh sinh tồn, phát triển hàng ngàn năm để sản sinh ra một kho tàng kinh nghiệm hết sức quý báu có thể làm hành trang cho con cháu vững bước tiến về tương lai. Xét toàn bộ, phần viết về *Tri thức dân gian* của chủ biên Nguyễn Đổng Chi là mẫu hình tốt nhất cho lối viết địa chí văn hóa dân gian vốn chưa có tiền lệ trong thư tịch nước ta. Xét cục bộ, trong 6 chương viết về 6 loại tri thức dân gian, có lẽ chương viết về "Địa lý dân gian" là hấp dẫn nhất. Và trong các sách biên soạn về địa chí dân gian sau này, do Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam tài trợ xuất bản, việc tiếp thu mô hình sách *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, có thể có phần này phần khác biến hóa, xuất nhập nhưng riêng phần viết về *Tri thức dân gian* thì rất nhiều công trình tiếp thu nguyên vẹn về bố cục cũng như cách trình bày.

8. Như trên đã nói, tuy chủ biên đã chỉ đạo sát sao, trực tiếp chấp bút hợp biên, lại gián tiếp thị phạm bằng một phần biên khảo công phu, mẫu mực nhưng trong bảy phần chính của cuốn sách, vẫn có sự vênh lệch nhất định về nội dung, kết cấu, cách viết. Dễ thấy, trong đó, phần viết về *Đất nước và con người Nghệ-Tĩnh, Truyện kể dân gian, Nghệ thuật và món ăn dân gian* là những phần viết phù hợp nhất so với định hướng của chủ biên. Các phần còn lại ít nhiều còn thể hiện sự sơ lược (có thể do thiếu tư liệu), thiếu độ nén thông tin, có nhiều chỗ diễn giải dài dòng, lấy lời thuyết minh thay cho tư liệu. Cá biệt, có phần như *Thơ ca nhạc dân gian*, nửa đầu viết như giáo trình, nhiều chỗ sa đà vào thưởng thức, bình giảng. Có thể dự đoán những phần ấy bàn tay hiệu chỉnh của Nguyễn Đổng Chi chưa kịp với tới, vì ông mất quá đột ngột vào ngày 20/7/1984 khi các trang bản thảo ở lần chữa cuối cùng chưa tập hợp đủ để ông duyệt và chuốt lại. Tất nhiên phần ưu trội trong bộ sách là thuộc công lao của ông, đúng như Vũ Ngọc Khánh đã bộc lộ: "Tôi xin được lưu ý trước bạn đọc là cuốn địa chí ấy nay mai chắc chắn ra đời, nếu có đạt được mức thành công nhất định nào, thì đó chủ yếu là do phần Đổng Chi đóng góp. Và thành công ấy, không phải chỉ ở phạm vi tư liệu - tư liệu folklore dù trên địa bàn hẹp khai thác bao giờ cho đủ - mà còn ở vấn đề học thuật, lý luận, lý luận về một thể loại mới là địa chí văn hóa dân gian".(43)

Đúng vậy. Mặc dầu còn có những khiếm khuyết nhất định mà nguyên nhân chính là do Nhóm biên soạn bị điều kiện hóa bởi những khó khăn khách quan và

chủ quan mà chủ biên đã phân trần trong *Lời nói đầu*, nhưng xét về chỉnh thể, công trình *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh* quả là mô hình tốt nhất, có hiệu năng nhất, một công trình tiên phong về thể loại này để cho các nhà biên khảo thế hệ sau xây dựng tiếp các công trình địa chí văn hóa dân gian của nhiều địa phương khác trong cả nước. Sâu xa hơn, chính quan điểm, phương pháp và tinh thần lao động nghiêm túc, hăng say trong quá trình thực hiện đề tài cũng như tính hấp dẫn của công trình *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh* đã có sức vẫy gọi, sức thúc đẩy các nhà nghiên cứu đàn em tạo nên một phong trào viết địa chí và địa chí văn hóa dân gian như giáo sư chủ biên hằng mong mỏi.

Hà Tĩnh, tháng 1/2015

P Q A

CHÚ THÍCH

(1) Chữ dùng trong nhan đề bài viết của GS, TS Nguyễn Duy Quý và cũng là nhan đề tập kỷ yếu được xuất bản sau lễ kỷ niệm 80 năm sinh Nguyễn Đổng Chi (xem: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, *Nguyễn Đổng Chi - Người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc,* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997).

(2) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Nxb Nghệ An, 1995, tái bản 2010.

(3) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, tái bản, Sđd, tr. 13.

(4) Vũ Ngọc Khánh, "Nguyễn Đổng Chi như tôi được biết", *Văn nghệ* số 38, 15/9/1984. In lại trong *Nguyễn Đổng Chi - Người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*, Sđd, tr. 460.

(5) Vũ Ngọc Khánh, "Nguyễn Đổng Chi như tôi được biết", Sđd, tr. 462-463.

(6) Đào Duy Anh, *Hán-Việt từ điển giản* yếu, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2009, tr. 111, 184.

(7) Dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập 1&2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 690.

(8) Dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập 1&2, Sđd, tr. 665-666.

(9) Dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập 1&2, Sđd, tr. 667-671.

(10) Dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập 1&2, Sđd, tr. 691-695.

(11) Dĩ Thủy Phạm Văn Thuyết, *Đông Ngạc tập biên*, tác giả tự xuất bản và giữ bản quyền, Sài Gòn, 1963.

(12) Dẫn theo *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 524.

(13) Tạ Ngọc Liễn, *Tìm hiểu thể loại địa chí*, trong *Tài liệu khóa tập huấn lý luận và thực tiễn biên soạn sách địa chí*, Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, Hà Nội, 1999, tr. 11.

(14) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 27-28.

(15) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 28.

(16) Vũ Ngọc Khánh, "Nguyễn Đổng Chi như tôi được biết", Sđd, tr. 459-460.

(17) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 11. Những chỗ gạch dưới là do người trích dẫn nhấn mạnh.

(18) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*, Sđd, tr. 12. Những chỗ gạch dưới là do người trích dẫn nhấn mạnh.

(19) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 11-12. Những chỗ gạch dưới do người trích dẫn nhấn mạnh.

(20) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 13. Những chỗ gạch dưới do người trích dẫn nhấn mạnh.

(21) In trong cuốn *Những ý kiến về văn học dân gian Việt Nam,* nhiều tác giả, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1966, tr. 168. Những chỗ gạch dưới do người trích dẫn nhấn mạnh.

(22) Cao Huy Đỉnh - Nguyễn Đổng Chi - Đặng Nghiêm Vạn, *Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn,* Tập I, "Văn học dân gian cổ truyền", Vụ Văn hóa quần chúng Bộ Văn hóa, Hà Nội, 1969, tr. 42.
(23) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 24.
(24) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 17.
(25) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 18.
(26) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 18.
(27) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 117.
(28) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 118.
(29) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 119.
(30) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 121.
(31) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 118.
(32) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 118.
(33) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 149.
(34) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 123.
(35) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 148.
(36) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 149.
(37) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 143.
(38) Nguyễn Đổng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Sđd, tr. 194.
(39) Tăng Kim Ngân, "Vài kỷ niệm nhỏ về Giáo sư Nguyễn Đổng Chi", in trong *Nguyễn Đổng Chi - Người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc,* Sđd, tr. 369.
(40) Tăng Kim Ngân, Bđd, tr. 369-370.
(41) Tăng Kim Ngân, Bđd, tr. 372.
(42) Tăng Kim Ngân, Bđd, tr. 370-371.
(43) Vũ Ngọc Khánh, "Nguyễn Đổng Chi như tôi được biết", Sđd, tr. 460.

TÓM TẮT

Qua khảo sát công trình *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, một trong những thành tựu lớn trong lĩnh vực folklore học do GS Nguyễn Đổng Chi làm chủ biên, người viết nhận thấy rằng, công trình này là tập đại thành của một quá trình sưu khảo, nghiên cứu trong vòng nửa thế kỷ của cố học giả. Với một định hướng nghiên cứu, trước thuật được vạch ra từ rất sớm; với những kinh nghiệm tự thân trong bao nhiêu năm vật lộn với nghề và với một kiến thức uyên bác, một sự từng trải sâu rộng cuộc sống của nhân dân xứ Nghệ, GS Nguyễn Đổng Chi đã dành tâm huyết cuối đời, làm nên một công trình khoa học mẫu mực góp phần quan trọng định hình một thể tài trước thuật mới làm mô hình cho học giới tiếp tục nghiên cứu biên khảo thành công nhiều công trình về văn hóa dân gian.

ABSTRACT

SCHOLAR NGUYỄN ĐỔNG CHI WITH HIS WORK OF *MONOGRAPH OF FOLK CULTURE IN NGHỆ-TĨNH*

By surveying the work of *Monograph of folk culture in Nghệ-Tĩnh*, one of the significant achievements in the field of folklore studies, that Professor Nguyễn Đổng Chi was the chief author, the author found that this work is the success of a process of collecting and varifying documents during half a century of the late scholar. With an early orientation of research and compilation, with professional experiences for many years, with his vast knowledge and a profound understanding of Nghệ An people's life, Prof. Nguyễn Đổng Chi spent his remaining life to compile an exemplary scientific work which significantly contributed to the forming of a new genre of compilation as a model for further research works on folklore.